

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 61/2025/HS-ST

Ngày: 25-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Châu

Ông Vũ Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh L tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Xuân Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2025/HSST ngày 13 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Thảo Linh T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 06/12/2001, tại T; nơi cư trú: tổ Z, khu phố Y, phường Z, thành phố G, tỉnh T; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Phạm Thị L; chưa vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị khởi tố tại ngoại điều tra. Có mặt;

- Bị hại: Nguyễn Đức TH (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện T, tỉnh T.

3. Ông Nguyễn Đức P, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ XH, phường L, thành phố Đ

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H: Ông

Nguyễn Đức P, sinh năm 1989. (Vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Doanh nghiệp tư nhân T: Chủ doanh nghiệp bà Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Quốc lộ XA, thị trấn B, huyện B, tỉnh L. (Vắng mặt);

2. Ông Lê Văn T, sinh năm 1973. Địa chỉ: tổ X, khu phố Y, phường Z, thành phố G, tỉnh T. (Vắng mặt);

3. Bà Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp ZZ, xã B, huyện B, tỉnh L. (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 10 giờ 05 phút ngày 14/01/2025, Lê Thảo Linh T có giấy phép lái xe hạng A1 điều khiển xe mô tô biển số 63B6-510.30 lưu thông trên Quốc lộ XA (QLXA) hướng Thành phố H đi tỉnh T. Khi đến đoạn km 1931^{+550m}, QLXA thuộc Khu phố 10, thị trấn B, huyện B, nơi đây là đoạn đường thẳng được rải nhựa khô ráo, bằng phẳng, giữa trung tâm đường có dải phân cách cứng phân chia thành hai phần đường xe chạy riêng biệt. Phần đường hướng Thành phố H đi tỉnh T có vạch sơn đứt quãng màu trắng phân chia 03 làn đường xe chạy, làn đường sát dải phân cách rộng 3,5m, làn đường giữa rộng 3,6m và làn đường bên phải rộng 2,4m. T di chuyển xe trên làn đường bên phải với tốc độ khoảng 50km/h thì thấy phía trước cùng chiều có xe mô tô không gắn biển số do Nguyễn Đức TH điều khiển kéo lùi tự chế chở hàng hóa phía sau đang lưu thông trên cả hai làn đường bên phải và làn đường giữa. T muốn vượt xe nên tăng ga, điều khiển xe 63B6-510.30 di chuyển sang làn đường giữa vượt về bên trái xe lùi tự chế. Do T vượt xe không đảm bảo an toàn nên phản gương chiếu hậu bên phải, tay cầm lái bên phải xe 63B6-510.30 va đập vào bao hàng bên trái trên lôi tự chế và phần góc dưới bên phải yếm xe 63B6-510.30 va đập vào trục bánh xe bên trái lôi tự chế làm xe mô tô 63B6-510.30 và T té ngã sang phải trên làn đường giữa, còn ông TH do bị đập bất ngờ từ phía sau bên trái nên không vững tay lái và không thắng xe kịp dẫn đến xe lôi tự chế di chuyển chệch về phía bên phải, phần đầu xe không gắn biển số va đập vào phần đuôi phía sau bên trái xe ô tô tải biển số 62M-0435 do Trần Thanh L điều khiển đang đỗ trên lề đường bên phải theo hướng đi. Hậu quả, ông Nguyễn Đức TH bị chấn thương cấp cứu tại bệnh viện đa khoa L, tử vong cùng ngày.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 10/KLGĐTT-TTPY ngày 07/02/2025 của Trung tâm Pháp y tỉnh L, giám định và kết luận nguyên nhân tử vong của Nguyễn Đức TH do chấn thương vào vùng ngực, bụng gây gãy xương sườn, gãy xương ức dập phổi, dập rách mạc treo, dập mạc nối lớn, dập gan, dập thận, đứt ruột non, dập đại tràng dẫn đến suy hô hấp tuần hoàn cấp.

- Tại Bản kết luận giám định độc chất số 329/446/25/KLGĐĐC-PYQG ngày 05/02/2025 của Phân viện pháp y quốc gia tại Tp H giám định và kết luận không tìm thấy Ethanol và Methanol trong máu của Nguyễn Đức TH.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường do Cơ quan CSĐT Công an huyện B lập lúc 16 giờ 35 phút ngày 14/01/2025 tại km 1931^{+550m} QL XA thuộc Khu phố 10, thị trấn B, huyện B, tỉnh L thể hiện:

Chọn mép đường bên phải hướng huyện Thành phố H đi tỉnh T làm mép đường chuẩn, chọn biển H6/1931 nằm trên dải phân cách cứng làm điểm mốc của hiện trường.

Vết cày lõm không liên tục ký hiệu số (1) kích thước 9,65m x 01cm, đầu vết cách lề chuẩn 3,15m, cuối vết trùng với gát chân trước bên trái xe 63B6-510.30.

Xe mô tô biển số 63B6-510.30 ký hiệu số (2) nằm ngã nghiêng sang trái, đầu hướng tỉnh T, đuôi hướng Thành phố H. Tâm trục bánh sau bên trái cách mép đường chuẩn 4,35m, tâm trục bánh trước bên trái cách mép đường chuẩn 4,7m và cách tâm trục bánh xe lùi bên trái 6,65m.

Xe mô tô không gắn biển số kéo lùi tự chế ký hiệu (3) đầu hướng tỉnh T, đuôi hướng Thành phố H. Bánh trước xe mô tô nằm trên lề đường có tâm trục cách mép đường chuẩn 00,85m và cách tâm trục bánh sau bên trái xe ô tô tải 62M-0435 là 01,5m, bánh sau xe mô tô nằm trên làn đường bên phải có tâm trục cách mép đường chuẩn 00,15m. Lôi tự chế nằm trên làn đường bên phải, tâm trục bánh xe bên phải trùng với mép đường chuẩn.

Xe ô tô tải biển số 62M-0435 ký hiệu số (4) đỗ trên lề đường bên phải, đầu hướng tỉnh T, đuôi hướng Thành phố H. Tâm trục bánh sau bên trái và tâm trục bánh trước bên trái cách mép đường chuẩn 00,45m.

Tại Biên bản khám phương tiện xe mô tô biển số 63B6-510.30 được lập lúc 17 giờ 05 phút ngày 14/01/2024 thể hiện: gương chiếu hậu bên phải rơi khỏi xe, phía dưới yếm xe bên phải bị bể kích thước 03cm x 07cm, đầu tay cầm bên trái và gác chân trước bên trái bị mài mòn.

Tại Biên bản khám phương tiện xe mô tô không gắn biển số và lôi tự chế được lập lúc 17 giờ 30 phút ngày 14/01/2024 thể hiện: đèn chiếu sáng phía trước và đồng hồ đo tốc độ bể rơi ra ngoài, tay cầm bên phải bị cong về sau. Tâm trục bánh xe sau bên trái lôi tự chế có vết ma sát kích thước 01cm x 1,5cm, bao ni lông đựng phế liệu nằm ở phía sau bên trái lôi tự chế rách một lỗ kích thước 05cm x 06cm.

Tại Biên bản khám phương tiện xe ô tô tải biển số 62M-0435 được lập lúc 17 giờ 55 phút ngày 14/01/2024 thể hiện: cụm đèn báo hiệu, đèn xi nhan, đèn lùi xe phía sau bên trái bị bể rơi ra ngoài.

Tại Bản Cáo trạng số 62/CT-VKSBL ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh L truy tố bị cáo Lê Thảo Linh T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thảo Linh T hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan, không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại về kết luận giám định, đồng thời không khiếu nại đối với Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh L tham gia phiên tòa vẫn giữ y quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo Lê Thảo Linh T về tội danh và điều luật, đồng thời phân tích đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Thảo Linh T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 2, Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Xử phạt bị cáo Lê Thảo Linh T từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm. Ngoài ra, không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

- 01 xe mô tô biển số 63B6-510.30 thuộc sở hữu của ông Lê Văn T cho con ruột Lê Thảo Linh T sử dụng, Cơ quan CSĐT đã trả lại xe cho bị cáo T xong nên không đề nghị xem xét.

- 01 ô tô tải biển số 62M-0435 thuộc sở hữu của doanh nghiệp tư nhân T do bà Nguyễn Thị Bạch T làm chủ doanh nghiệp, Cơ quan CSĐT đã trả lại xe cho bà T xong nên không đề nghị xem xét.

- 01 xe mô tô không gắn biển số và lòi tự chế, qua điều tra xác định xe mô tô có biển số là 62S1-9634 và lòi tự chế thuộc sở hữu của nạn nhân Nguyễn Đức TH, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho đại diện nạn nhân ông Lê Đức T xong nên không đề nghị xem xét.

- Đề nghị trả cho bị cáo Lê Thảo Linh T 01 giấy phép lái xe hạng A1, số 820210002906, tên Lê Thảo Linh T do Sở giao thông vận tải tỉnh T cấp.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Thảo Linh T và đại diện nạn nhân Nguyễn Đức P là ông Nguyễn Đức TH thỏa thuận bồi thường chi phí mai táng, tổn thất tinh thần số tiền 100.000.000đ, ông Thạch đã nhận đủ tiền, không có yêu cầu gì thêm và có đơn bãi nại đề nghị miễn trách nhiệm hình sự. Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết tự nguyện bồi thường chi phí mai táng cho nạn nhân Nguyễn Đức TH số tiền 75.000.000đ, ông Thạch đã nhận đủ tiền không có yêu cầu gì khác nên không đề nghị xem xét.

Lời nói cuối cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Thảo Linh T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông, bản ảnh hiện trường, Bản kết luận giám định số 10/KLGĐTT-TTPY ngày 07/02/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh L và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Vào lúc 10 giờ 05 phút ngày 14/01/2025, bị cáo Lê Thảo Linh T có giấy phép lái xe hạng A1 điều khiển xe mô tô biển số 63B6-510.30 lưu thông trên QL XA hướng Thành phố H đi tỉnh T. Khi đến đoạn km 1931^{+550m}, QL XA thuộc Khu phố 10, thị trấn B, huyện B, do bị cáo vượt xe không đảm bảo an toàn nên phần gương chiếu hậu bên phải, tay cầm lái bên phải xe 63B6-510.30 va đập vào bao hàng bên trái trên lô tự chế và phần góc dưới bên phải yếm xe 63B6-510.30 va đập vào trục bánh xe bên trái lô tự chế được kéo bởi xe mô tô biển số 62S1-9634 do ông Nguyễn Đức TH điều khiển phía trước cùng chiều, làm xe mô tô 63B6-510.30 và bị cáo té ngã sang phải trên làn đường giữa, còn ông TH bị đập bất ngờ từ phía sau bên trái nên không vững tay lái và không thắng xe kịp dẫn đến xe lô tự chế di chuyển chệch về phía bên phải và đập vào phần đuôi phía sau bên trái xe ô tô tải biển số 62M-0435 do Trần Thanh L điều khiển đang đỗ trên lề đường bên phải theo hướng đi. Hậu quả, ông Nguyễn Đức TH bị chấn thương cấp cứu tại bệnh viện đa khoa L và tử vong cùng ngày.

Từ những căn cứ trên, xét thấy hành vi của bị cáo Lê Thảo Linh T đã vi phạm vào khoản 5 Điều 14 Luật giao thông đường bộ và đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Do đó, Cáo trạng của

Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh L truy tố bị cáo Lê Thảo Linh T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo Lê Thảo Linh T biết và pháp luật buộc bị cáo phải biết khi tham gia giao thông phải tuyệt đối tuân theo các quy định về luật giao thông đường bộ. Thế nhưng bị cáo điều khiển xe mô tô 63B6-510.30 lưu thông trên đường đã vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, dẫn đến gây tai nạn cho ông TH làm ông TH tử vong mà còn ảnh hưởng đến an toàn, trật tự công cộng. Do đó, hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo Lê Thảo Linh T cần được xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự, có mức án phù hợp với hành vi và hậu quả mà bị cáo gây ra mới có tác dụng trừng phạt, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Thảo Linh T phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và phiên tòa bị cáo Lê Thảo Linh T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường cho gia đình nạn nhân và có đơn bãi nại đề nghị miễn trách nhiệm hình sự nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Xét thấy bị cáo Lê Thảo Linh T có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo bên ngoài xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương đối với bị cáo cũng có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật Hình sự thì hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thảo Linh T còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Tuy nhiên, xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo Lê Thảo Linh T là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7]. Về xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô biển số 63B6-510.30 thuộc sở hữu của ông Lê Văn T cho con ruột Lê Thảo Linh T sử dụng, Cơ quan CSĐT đã trả lại xe cho bị cáo T xong không nên xem xét.

- 01 ô tô tải biển số 62M-0435 thuộc sở hữu của doanh nghiệp tư nhân T do bà Nguyễn Thị Bạch T làm chủ doanh nghiệp, Cơ quan CSĐT đã trả lại xe cho bà T xong nên không xem xét.

- 01 xe mô tô không gắn biển số và lòi tự chế, qua điều tra xác định xe mô tô có biển số là 62S1-9634 và lòi tự chế thuộc sở hữu của nạn nhân Nguyễn Đức

TH, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho đại diện nạn nhân ông Lê Đức TH xong nên không xem xét.

- Trả lại cho bị cáo Lê Thảo Linh T 01 giấy phép lái xe hạng A1, số 820210002906, tên Lê Thảo Linh T do Sở giao thông vận tải tỉnh T cấp.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Thảo Linh T và đại diện nạn nhân Nguyễn Đức TH là ông Nguyễn Đức P thỏa thuận bồi thường chi phí mai táng, tổn thất tinh thần số tiền 100.000.000đ, ông Thạch đã nhận đủ tiền, không có yêu cầu gì thêm và có đơn bãi nại đề nghị miễn trách nhiệm hình sự. Bà Nguyễn Thị Bạch T tự nguyện bồi thường chi phí mai táng cho nạn nhân Nguyễn Đức TH số tiền 75.000.000đ, ông TH đã nhận đủ tiền không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[9]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê Thảo Linh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thảo Linh T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 2, Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

Xử phạt: Bị cáo Lê Thảo Linh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Thảo Linh T về Ủy ban nhân dân phường XX, thành phố G, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Lê Thảo Linh T thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc

người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

Trả lại cho bị cáo Lê Thảo Linh T 01 giấy phép lái xe hạng A1, số 820210002906, tên Lê Thảo Linh T do Sở giao thông vận tải tỉnh T cấp.

(Vật chứng trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện B quản lý theo biên bản giao nhận tài liệu, vật chứng ngày 12/6/2025)

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Thảo Linh T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

4. Án xử sơ thẩm công khai. Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh L;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- Bị cáo; đại diện của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Thanh